

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2022/DS-ST  
Ngày 08-8-2022  
“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Văn Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Tô Văn D, sinh năm 1983.

Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Hồ Văn K, sinh năm 1983, trú tại: Khóm 8, thị t, huyện P, tỉnh C, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 5 năm 2022).

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn T (vắng mặt).

2. Bà Bùi Thị N (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2021 của nguyên đơn và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Hồ Văn K trình bày: Ông Tô Văn D có

bán thức ăn nuôi tôm cho bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Văn T từ năm 2014 đến năm 2016, đến ngày 24 tháng 8 năm 2016 ông D và bà N có đối chiếu, thỏa thuận xác nhận nợ, theo đó bà N và ông T còn thiếu ông D tổng số tiền 128.367.000 đồng. Sau khi xác nhận công nợ bà N và ông T trả cho ông D được 02 lần với số tiền 14.000.000 đồng, còn nợ ông D số tiền 114.367.000 đồng. Ông D yêu cầu bà N và ông T trả cho ông D số tiền 114.367.000 đồng

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông T, bà N vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông Tô Văn D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Tô Văn D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị N trả tiền mua thuốc và thức ăn thủy sản. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị N.

[3] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Hồ Văn K cho rằng ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị N có mua thuốc và thức ăn thủy sản còn nợ số tiền là 128.367.000 đồng, sau đó bà N có trả cho ông D hai lần với số tiền 14.000.000 đồng. Ông K đại diện ông D yêu cầu ông T, bà N trả cho ông D số tiền 114.367.000 đồng. Đối với ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để hòa giải và xét xử nhưng ông T, bà N vắng mặt không cung cấp lời khai cho Tòa án và không có ý kiến đối với yêu cầu của ông D. Xét thấy, tại biên bản xác nhận công nợ ngày 24 tháng 8 năm 2016 có chữ viết tên Bùi Thị N, theo biên bản xác nhận công nợ nêu trên thể hiện bà Bùi Thị N có nợ tiền mua vật tư nuôi trồng thủy sản của ông Tô Văn D số tiền 128.367.000 đồng, sau khi đối chiếu công nợ bà N có trả được 14.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 114.367.000 đồng. Bà N mua thuốc và thức ăn để nuôi tôm phục vụ vào nhu cầu thiết yếu của gia đình và bà N nợ ông D trong thời kỳ hôn nhân với ông T nên đây là nợ chung của bà N và ông T. Do đó, ông D yêu cầu bà N và ông T trả số tiền là 114.367.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông Tô Văn D được chấp nhận nên ông D không phải chịu án phí, ông D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.209.000 đồng

được nhận lại. Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới nộp tiền án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 5.718.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn D. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Tô Văn D số tiền 114.367.000 đồng (một trăm mười bốn triệu ba trăm sáu mươi bảy đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Về án phí:

Ông Tô Văn D không phải chịu án phí, ông D đã nộp tiền tạm ứng án phí là 3.209.000 đồng (ba triệu hai trăm lẻ chín ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017687 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, ông D được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị N có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 5.718.000 đồng (năm triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng)

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Triều**